

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ S  
TỈNH S**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH S**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Định;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Phước.

Bà Võ Ngọc Các.

***- Thư ký phiên Tòa:*** Bà Thu Hồng là thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên Tòa:*** Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm Sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/8/2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị H**; Hộ khẩu thường trú: Số 103, đường M, khóm H, phường T, thành phố S, tỉnh S; Nơi cư trú hiện nay: Số 189C, Tổ 9, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố H. (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**; Hộ khẩu thường trú: Số 103, đường M, khóm H, phường T, thành phố S, tỉnh S; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Ấp S, xã A, huyện T, tỉnh T; Hiện nay đang chấp hành án tại phân trại số 01, đội 2, trại giam Cây Cày, đóng tại ấp Thanh Hòa, xã Thanh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 11/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2014 bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh S. Hôn nhân của bà và ông T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Đến ngày 12/7/2015 ông T đâm chết anh ruột của bà H và lãnh án 18 năm tù, hiện nay ông T đang bị giam giữ, cải tạo tại trại giam Cây Cày, đóng tại ấp Thanh Hòa, xã Thanh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Bà H và ông T đã sống ly thân từ ngày 12/7/2015 cho đến nay. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn lại được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông T có một người con chung tên Nguyễn Thanh Nsinh ngày 01/02/2014. Hiện nay cháu N đang sống với bà Đoàn Thị H. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 01/02/2014 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu Nhân.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/03/2019 ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H. Tuy nhiên trong thời gian chung sống ông và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện nay ông bà đã sống ly thân, không còn chung sống như vợ chồng, mỗi người đều có cuộc sống riêng không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: Bà và ông T có một người con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 01/02/2014. Sau khi ly hôn, ông T đồng ý giao cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 01/02/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Do hoàn cảnh hiện nay ông T đang chấp hành án nên về kinh tế không đảm bảo để cấp dưỡng cháu N nên ông T không cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thanh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật:**

Bà Đoàn Thị H khởi kiện ông Nguyễn Thanh T về tranh chấp ly hôn, nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Thanh T có nơi cư trú tại Số 103, đường Mạc Đĩnh Chi, khóm 2, phường 4, thành phố S, tỉnh S nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thanh T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo bà H trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm, về kinh tế và ông T đâm chết anh ruột của bà H và lãnh án 18 năm tù, hiện nay ông T đang bị giam giữ, cải tạo tại trại giam Cây Cầy, đóng tại ấp Thanh Hòa, xã Thanh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Mặc dù, Tòa án ra thông báo về phiên hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ hai lần nhưng ông T đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên Tòa hôm nay bà H vẫn cương quyết xin ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, ông, bà đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

[3] Về con chung: Bà H và ông T khai vợ chồng ông, bà một người con

chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 01/02/2014. Bà H và ông T đã thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thanh N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H và ông T giao cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 01/02/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 01/02/2014 mà không ai được cản trở nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H giao cháu Nguyễn Thanh N cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thanh T không cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thanh Nhân.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí:

Bà Đoàn Thị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn giao cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 01/02/2014 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thanh T không cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thanh N.

Ông Nguyễn Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 01/02/2014 mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung:** Trong quá trình giải quyết bà H và ông T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**4. Về nợ chung:** Trong quá trình giải quyết bà H và ông T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**5. Về án phí:** Bà Đoàn Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001708 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh S;
- VKSND tỉnh S;
- VKSND TP. S;
- THADS TP. S;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Định**